

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đức Dũng và ông Hoàng Văn Minh.

- Thư ký tòa án: Bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06 tháng 8 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 4 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và sinh được 02 (hai) người con chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, căng thẳng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh L sống gia trưởng, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị và điều đó đã làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 (một) con chung là Trần Lê Gia H, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2016. Hiện nay con chung đang ở với chị, nên chị có nguyện vọng được nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai hay ý kiến gì của anh L trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không chấp hành các quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Văn L.

+ Về con chung: Giao con chung là Trần Lê Gia H, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2016 cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị Huyền không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 28;

điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn L thấy rằng: Hôn nhân giữa chị H và anh L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ để xác định: Trong quá trình chung sống chị H và anh L đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H cung cấp là do bất đồng quan điểm sống, tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Anh L thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo mở phiên họp hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Theo tài liệu xác minh thể hiện trong thời gian chung sống, vợ chồng chị H, anh L có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa đời sống chung của vợ chồng không tồn tại trên thực tế vì chị H và anh L đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Do đó, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh L là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) người con chung Trần Lê Gia H, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2016. Hiện nay con chung đang ở với chị Huyền, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy anh L không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự nên cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản và nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 227, 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Giao con chung Trần Lê Gia H, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2016 cho chị Lê Thị Thu H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0005434 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã N;
- CCTHADS huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Hương Giang

